

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ PLEIKU
TỈNH GIA LAI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 26/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 09-4-2021

V/v: Ly hôn, tranh chấp nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ PLEIKU, TỈNH GIA LAI

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Vũ Đình Nguyên

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Thị Bắc

2. Bà Doãn Thị Lệ

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Trần Thị Ngọc Hà - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai

- **Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:** Bà Cao Thảo Nga – Kiểm sát viên

Ngày 09 tháng 4 năm 2021, tại: Tòa án nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 879/2020/TLST- HNGĐ ngày 25 tháng 12 năm 2020, về tranh chấp: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2021/QĐXXST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2021 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Chị Nguyễn Thị Ngọc A, sinh năm 1998. Địa chỉ: Hẻm 243 Lê Đại Hành, Tổ 3, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Có mặt.

- **Bị đơn:** Anh Vi Văn Nh, sinh năm 1996. Địa chỉ: Hẻm 243 Lê Đại Hành, Tổ 3, phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 23-12-2020, các lời khai có tại hồ sơ và tại phiên tòa, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị Ngọc A trình bày:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A và anh Vi Văn Nh tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân. Chị A và anh Nh có đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 30-7-2018.

Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống tại nhà cha mẹ của chị A tại: Tổ 3, phường Đ, thành phố P, tỉnh Gia Lai. Quá trình chung sống, vợ chồng bất đồng quan điểm nên phát sinh mâu thuẫn. Đến cuối năm 2018, anh Nh phạm tội và bị kết án về tội: “Gây rối trật tự công cộng”; chấp hành án tại Trại tạm giam – Công an tỉnh Gia Lai. Đến nay, chị A thấy mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, tình cảm

không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị Nguyễn Thị Ngọc A yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Vi Văn Nh.

Về con chung: Chị và anh Nh có 01 con chung là cháu Vi Nguyễn Đức Ph, sinh ngày 29-10-2018. Hiện cháu đang ở cùng với chị A. Khi ly hôn, chị A có nguyện vọng được nuôi cháu Vi Nguyễn Đức Ph. Về cấp dưỡng nuôi con: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung và nợ chung: Chị A không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và đơn yêu giải quyết và xét xử vắng mặt đề ngày 09-3-2021, bị đơn là anh Vi Văn Nh trình bày:

Về hoàn cảnh và điều kiện kết hôn thì anh Nh nhất trí với ý kiến của nguyên đơn là chị A trình bày. Anh Nh thừa nhận trong cuộc sống hôn nhân giữa anh Nh và chị A có phát sinh mâu thuẫn. Nay chị A yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh Nh đồng ý ly hôn.

Về con chung: Anh Nh thừa nhận vợ chồng có 01 con chung là cháu Vi Nguyễn Đức Phúc, sinh ngày 29-10-2018 và đang sinh sống cùng với chị A. Khi ly hôn, anh Nh đồng ý giao con cho chị Nguyễn Thị Ngọc A trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai tham gia phiên tòa:

* Về tuân theo pháp luật tố tụng:

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tòa án trong quá trình giải quyết vụ án thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật tố tụng của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng: Tòa án đã triệu tập hợp lệ nhưng bị đơn vắng mặt tại các phiên họp và phiên hòa giải, vắng mặt tại phiên tòa.

* Về nội dung vụ án:

Đề nghị xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng. Tòa án nhân dân thành phố Pleiku nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền của Tòa án: Chị Nguyễn Thị Ngọc A có đơn yêu cầu Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh Vi Văn Nh và yêu cầu giải quyết việc nuôi con chung. Anh Nh hiện cư trú tại thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Vì vậy, căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân thành phố Pleiku thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và xác định quan hệ tranh chấp là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”.

- Về việc xét xử vắng mặt đương sự:

Bị đơn có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. **Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.**

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị A và anh Nh kết hôn trên cơ sở tự nguyện tìm và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 41 ngày 30-7-2018 đăng ký kết hôn tại UBND phường Đồng Đa, thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai nên quan hệ hôn nhân của chị A và anh Nh là hợp pháp.

[3] Về yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Ngọc A:

Trong quá trình giải quyết vụ án anh Nh thừa nhận vợ chồng có mâu thuẫn và đồng ý ly hôn đối với chị A. Vì vậy, Hội đồng xét xử có căn cứ khẳng định mâu thuẫn vợ chồng của chị A và anh Nh đã trầm trọng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[4] Về con chung: Chị A và anh Nh đều thống nhất giao con chung là cháu Vi Nguyễn Đức Ph, sinh ngày 29-10-2018 cho chị A trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Hội đồng xét xử nhận thấy, các đương sự đã thống nhất được người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn. Nội dung thỏa thuận này đảm bảo quyền lợi của con. Căn cứ khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu được nuôi con của chị A.

Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[5] Về tài sản chung và nghĩa vụ chung: Chị A và anh Nh không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do đó, Hội đồng xét xử không đề cập đến.

[6] Về án phí: Chị A là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Áp dụng khoản 1 Điều 56; các Điều 58, 81, 82, 83, 84, khoản 1 Điều 116 và Điều 117 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị Ngọc A.

1. Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Ngọc A được ly hôn với anh Vi Văn Nh.

2. Về con chung: Giao cháu Vi Nguyễn Đức Ph, sinh ngày 29-10-2018 cho chị Nguyễn Thị Ngọc A được trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Người không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi con.

Nếu người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người không trực tiếp nuôi con.

Người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật; Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con sau khi ly hôn.

3. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị Ngọc A phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu xin ly hôn nhưng được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0005922 ngày 25-12-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Pleiku, tỉnh Gia Lai. Chị A đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Ngọc Anh có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Vi Văn Nh vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Gia Lai;
 - VKSND Tp Pleiku;
 - Chi cục THADS tp Pleiku;
 - UBND phường Đ, Tp.P
- (Giấy CNKH số 41/2018);
- Các đương sự;
 - Lưu hồ sơ vụ án;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(đã ký)**

Vũ Đình Nguyên

